

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 240/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2025

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Hoàng Hoa

Bà Lê Thị Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Mỹ Xuyên**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Thành Khánh Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐXX-ST ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1979; (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Phú Lợi A, xã Phú K, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1971; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Phú Lợi A, xã Phú K, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị **Nguyễn Thị L** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Văn T** chung sống vợ chồng từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú K, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào ngày 21/02/2019. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Hai người ly thân từ ngày 01/12/2020 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 30/01/2019. Khi ly hôn chị L có yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 30/01/2019 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị L tự thỏa thuận, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị L tranh chấp về việc ly hôn; bị đơn hiện cư trú tại huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Chị Nguyễn Thị L có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập (tổng đạt) hợp lệ. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Phú K, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/02/2019. Hội đồng xét xử xét thấy, khi chị L có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, các lần hòa giải và tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do. Điều đó đã cho thấy anh T không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh chị. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến, không tham gia hòa giải cũng như tham dự phiên tòa nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Xét thấy tình cảm và đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội

đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận cho chị L ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 30/01/2019, hiện cháu H đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu H hiện nay mới hơn 06 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của chị L, hơn nữa cháu H hiện đang sống chung với chị L nên cần ổn định cuộc sống, cũng như các điều kiện chăm lo đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần cho cháu H phát triển đầy đủ. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; về nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 30/01/2019 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008517 ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Phú K, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Phương